



PHẬT
PHÁP

B Í T C H Á N H ĐẠ O

1

DÀN BÀI.

A.- MỞ ĐỀ

B.- CHÁNH ĐỀ

I. Định Nghĩa

II. Nội Dung của Bát Chánh Đạo

C.- KẾT LUẬN

- Ba công năng lớn của Bát Chánh Đạo.

A.- MỞ ĐỀ :

Trong 37 môn trợ đạo, Bát Chánh Đạo là một pháp môn thường được coi như là pháp môn chính, được nhắc nhở đến nhiều nhất. Vì thế, khi nói đến Đạo Đức là người ta liền tưởng đến Bát Chánh Đạo. Thậm chí có người tưởng lầm rằng Đạo Đức với Bát Chánh Đạo là một.

Sở dĩ Bát Chánh Đạo được xem là pháp môn chính của Đạo Đức, vì pháp môn này rất đầy đủ có thể bao gồm được các pháp môn khác của Đạo Đức. Nó rất phù hợp với mọi căn cơ, mọi thời đại, mọi phương sở; đối với Tiểu Thừa cũng như Đại Thừa, người Đông phương cũng như Tây phương ai ai cũng đều công nhận giá trị hoàn toàn cao cả của Bát Chánh Đạo, và đều áp dụng pháp môn này trong sự tu hành của mình để đoạn trừ phiền não, khổ đau, hầu bước lên con đường giải thoát, an vui, tự tại.

B.- CHÁNH ĐỀ.

I.- Định nghĩa Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo là tám con đường ngay thẳng, hay tám phương tiện mẫu nhiệm đưa chúng sinh đến đời sống chỉ diệu.

Người ta cũng có thể dịch nghĩa 'Bát Chánh Đạo' là con đường chánh có tám ngành, để đưa chúng sinh đến địa vị Thánh.

Cũng có khi người ta gọi Bát Chánh Đạo là 'Bát Thánh Đạo' vì cái diệu dụng của nó sau đây :

a) Những kẻ phạm phu học đạo, noi theo pháp môn này mà tu, thì khỏi lâm lạc vào nẻo nguy hiểm, lần hồi sẽ chứng được quả Hiền Thánh.

b) Những bậc Hiền, Thánh nương theo tám phương tiện này sẽ đi đến cảnh Niết Bàn.

Bát Chánh Đạo gồm có :

- | | |
|----------------|-------------------|
| 1.- Chánh Kiến | 2.- Chánh Tư Duy |
| 3.- Chánh Ngữ | 4.- Chánh Nghiệp |
| 5.- Chánh Mạng | 6.- Chánh Tín Tấn |
| 7.- Chánh Niệm | 8.- Chánh Định. |

II.- Nội Dung Và Giá Trị Mỗi Thành Phần Của Bát Chánh Đạo.

1.- Chánh Kiến : Chánh là ngay thẳng, đúng đắn ; Kiến là thấy, nghe hay biết một cách ngay thẳng, công minh, đúng với sự thật khách quan. Người có chánh kiến thấy như thế nào thì nhận đúng như thế ấy, không lấy trắng làm đen, xấu làm tốt, đố làm hay, hay trái lại. Sự nhận xét sự vật của người ấy không bị tập quán, thành kiến, dục vọng ngăn che hay làm sai lạc. Người có chánh kiến biết phân biệt cái nào giả, cái nào thật. Và khi đã biết cảnh giả, vật dối, thì mắt không chăm, tâm không chú ; còn khi rõ biết cảnh vật thật, lời lẽ chân thì chuyên tâm vào sự lý chân thật làm cho đèn tuệ sáng ngời, tiền trần không phương che ám được.

2.- Chánh Tư Duy : Tư duy là suy nghĩ, nghiệm xét ; nó thuộc về ý thức. Chánh Tư Duy là suy nghĩ, xét nghiệm chân chánh, tư tưởng đúng với lẽ phải.

Người tu theo Chánh Tư Duy, thường xét nghĩ đạo lý cao siêu, suy tìm thế tánh nhiệm mầu, biết xét những hành vi lỗi lầm, những ý nghĩ xấu xa để sám hối ; biết suy nghĩ về ba môn vô lậu học : Giới, Định, Huệ, để tu giải thoát ; biết suy xét vô minh là nguyên nhân đau khổ, là nguồn gốc của tội ác, và tìm phương pháp đúng đắn để tu hành hầu giải thoát cho mình và cho người.

3.- Chánh Ngữ : Ngữ là lời nói ; Chánh Ngữ là lời nói chân thật, công bình, ngay thẳng và hợp lý.

Người tu theo Chánh Ngữ, không bao giờ nói sai thật, không thiên vị, thấy dõ nói hay, không xuyên tạc, nghe một đường nói một nẻo. Người theo Chánh Ngữ rất thân trọng lời nói; trước khi muốn nói gì phải suy nghĩ coi có lợi ích và chân thật không. Xưa đức Không Tử vào viếng chốn có miếu, thấy bức tranh họa một hình người bị kẹp miệng ba lần, Ngài dạy lại dạy môn đệ phải cẩn thận lời nói.

Ngày xưa, trước khi đức Phật sắp nhập Niết Bàn, có đệ tử hỏi :

-Bach đức Thế Tôn, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, người đời sau gặp nhiều sách vở ngoại đạo, không sao phân biệt với Kinh Phật, như thế, biết tin theo lời nào tu ?

Phật dạy :

-Chẳng luận là lời nói của ai miễn lời ấy đúng sự thật hợp chân lý thì cứ tin theo mà tu.

Vậy, phạm những lời nói đúng, hợp lẽ, có lợi ích cho toàn thể chúng sinh là chánh ngữ. Nhưng lời nói ấy chúng ta phải tin theo và tập nói cho đúng như thế.

4.- Chánh Nghiệp : Nghiệp là do người Trung Hoa dịch chữ Phạn Karma mà ra. Nghiệp hay Karma nghĩa là hành động tạo tác.

Chánh Nghiệp là hành động, việc làm chân chính, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cho người lẫn vật.

Người theo đúng 'chánh nghiệp' là người luôn luôn thân trọng, giữ gìn mọi hành động của mình, để khỏi làm tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp, địa vị, danh giá, hạnh phúc, tánh mạng của người khác. Hơn nữa người theo đúng chánh nghiệp bao giờ cũng tôn trọng lương tâm nghề nghiệp của mình, luôn luôn hành động có lợi cho mọi người, mọi vật; và nếu cần, có thể hy sinh quyền lợi hay tánh mạng mình để giải thoát nỗi đau khổ cho người khác.

Ngoài ra, cũng gọi là Chánh Nghiệp, khi dùng trí huệ để quán tưởng những pháp chân chính, hoặc ngai thiền, niệm Phật, hoặc trí tuệ kinh hành, để giữ gìn thân, khẩu, ý ba nghiệp cho thanh tịnh.

5.- Chánh Mạng : Mạng là sự sống, đời sống. Chánh Mạng là sanh sống một cách chân chính bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch của mình. Người theo đúng Chánh Mạng sống một cuộc đời ngay thật, không gian tham, không làm giàu có trên mồ hôi, nước mắt của người khác, không làm cho người và vật phải đau khổ vì nghề nghiệp của mình. Người theo đúng Chánh Mạng sống một cuộc đời có ý nghĩa lợi mình, lợi người, xứng với bất cạm mình ăn, manh áo mình mặc chứ không ăn không ngồi rồi, sống bám vào người khác.

Người theo Chánh Mạng sống đúng chánh pháp, không mê tín dị đoan và biết thân tứ đại vốn vô thường, nên lấy tịnh giới làm thể, lấy trí huệ làm mạng, bỏ niệm vọng cầu, an vui với chánh pháp.

6.- Chánh Tinh Tấn : Chữ tinh tấn ở đây cũng cùng nghĩa như tinh tấn đã nói là chuyên cần, siêng năng, thẳng tiến đến mục đích đã vạch sẵn không vì một lý do gì mà lui bước. Chánh Tinh Tấn là chuyên cần, siêng năng làm việc chánh nghĩa, lợi lạc cho mình cũng như cho người và vật.

Người theo đúng Chánh Tinh Tấn, trước tiên, bao giờ cũng háng hái sửa mình, cương quyết bài trừ những điều ác, quyết tâm phát triển mọi hạnh lành (xem Tứ Chánh Cần). Người theo đúng Chánh Tinh Tấn, dùng mãnh tiến lên trên đường đi đến giải thoát, cho đến lúc nào đạt được mục đích cao cả, cũng tốt ấy mới thôi.

Nói tóm lại, người theo đúng Chánh Tinh Tấn, quyết tạo nghiệp vô lậu xuất thế gian, lấy chánh trí làm mạch lự, lấy Niết Bàn làm chỗ quy hướng, một lòng chẳng trễ, muôn kiếp không dời, quyết gắng công phu, định thành đạo quả để trước tự độ, sau hóa độ chúng sanh.

7.- Chánh Niệm : Niệm là ghi nhớ. Chánh niệm là ghi nhớ đến những điều hay lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình, cho người, những đạo lý chánh chính quý trọng cao siêu.

Chánh Niệm có hai phần :

a) Chánh Ượ Niệm : là nghĩ nhớ đến các điều lời làm để thành tam sam hối và nghĩ nhớ đến Tứ Trọng Ân : ân cha mẹ, ân tổ quốc, ân chúng sinh và ân Tam Bảo để

lo báo đền.

b) Chánh Quán Niệm : là dùng tâm từ bi xét nghĩ cuộc đời là khổ não, tật bệnh, mê mờ mà chúng sanh đang mắc phải, để mở rộng lòng thương yêu và quyết ra tay cứu độ.

Người theo đúng Chánh Niệm, thường quán sát cảnh chân đế, năng tưởng niệm các pháp trợ đạo, bất luận ở đâu và làm gì, cũng nhớ nghĩ đến cái quả vô lậu xuất thế gian, dù trải qua bao nhiêu số kiếp cũng không thối tâm xao lãng.

8.- Chánh Định : Chữ 'Định' ở đây cũng đồng nghĩa như những chữ định trong các bài trước, nghĩa là tập trung tư tưởng vào một vấn đề gì, để thấy cho rõ ràng. Chánh Định là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình cho người.

Người theo đúng Chánh Định, thường tập trung tư tưởng để quán sát những vấn đề chính sau đây :

-Quán thân bất tịnh : (bất tịnh quán) tức là quán tưởng thân không thanh tịnh, để trừ tham dục, si ái (xem đoạn quán thân bất tịnh trong Tứ Niệm Xứ).

-Quán Từ Bi (từ bi quán) là quán tưởng tất cả chúng sanh đều là một chân tâm, hình dáng không khác, để đoạn trừ thù hận và mở rộng lòng thương yêu để cứu độ chúng sanh.

-Quán nhân duyên : (nhân duyên quán) là quán tưởng tất cả pháp lưu hình như muôn vật, vô hình như tâm niệm đều là giả hợp, duyên nhau mà có, chứ không có một cách chân thật, không thường tồn, để đoạn trừ ngu si, pháp chấp.

-Quán hơi thở : (số tức quán) nghĩa là quán tưởng bằng cách chuyển chú đem hơi thở ra vào, đối đối trị sự tán loạn của tâm thức.

C.- XÉT LUẬN :

Như đã nói ở đoạn mở đầu, Bát Chánh Đạo là pháp môn rất được thông dụng. Sự thông dụng này sơ dĩ có

được là nhờ lợi ích thiết thực và quý báu của nó đối với đời sống cá nhân của người tu hành, đối với xã hội, và đối với đời sống tương lai. Có thêm tóm tắt những lợi ích, hay công năng của Bát Chánh Đạo trong ba điểm sau đây :

1) Cải thiện tự thân : Nếu con người chuyên tu theo tám đường chánh này, thì sửa đổi được tất cả mọi sự bất chính, mọi tội lỗi trong đời sống hiện tại của mình, như ý niệm mê mờ, ngôn ngữ đảo điên, hành vi sai quấy, đời sống vô luân. Khi những điều trên đây đã được cải thiện, thì tất cuộc đời riêng của mỗi người sẽ chân chính, lợi lạc và thiện mỹ.

2) Cải thiện hoàn cảnh : Nếu trong xã hội ai ai cũng đều chuyên tu theo tám đường chánh này, thì cảnh thế gian sẽ an lành, tịnh lạc, không còn chiến tranh rau rạ giết hại lẫn nhau.

3) Sẽ chứng quả Bồ Đề : Người chuyên tu theo tám đường chánh này, không những có nhiều lợi lạc trong cuộc đời hiện tại mà còn gây tạo cho mình một tương lai tươi sáng, gieo trồng cho mình những hạt giống Bồ Đề để ngày sau gặt hái quả vô thượng Niết Bàn, đây đủ bốn đức Thương, Lạc, Ngã, Tịnh.

Vì những lợi ích quý báu như thế, mọi Phật Tử hãy phát nguyện cương quyết tu theo Bát Chánh Đạo.

BÁT QUAN TRAI GIỚI

1

DÀN BÀI.

A.- MỞ ĐỀ

B.- CHÁNH ĐỀ

I.- Định nghĩa

II.- Tam điều răn cấm

C.- KẾT LUẬN

A.- MỞ ĐỀ :

Đức Phật Thích Ca nói Pháp gần 50 năm, có đến 84.000 pháp môn, vô lượng diệu nghĩa. Mặc dù giáo pháp nhiều như thế, nhưng không ngoài ba môn chính là 'giới, định, huệ'.

Trong 'giới, định, huệ' thì giới là phần quan trọng, là phần căn bản. Nhờ giới, tam mới định, tam có định, huệ mới phát sanh, huệ có phát sanh mới dứt trừ được vô minh phiền não; vô minh phiền não có dứt trừ mới minh tâm kiến tánh và thành Phật. Nhưng giới cũng có nhiều thứ: có thứ cao, thứ thấp, có thứ áp dụng cho hàng xuất gia, có thứ cho hàng tại gia. Trong hàng xuất gia, thì Sa Di chỉ giữ 10 giới, Tỷ Kheo giữ 250 giới, Tỷ Kheo Ni đến 348 giới. Về phía tại gia thì có Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Quan Trai Giới, Bồ Tát Giới. Tam Quy, Ngũ Giới thì chúng ta đã học rồi; Bồ Tát Giới thì khó khăn hơn, chúng ta sẽ học sau. Bây giờ đây, chúng tôi chỉ nói đến Bát Quan Trai Giới.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- Định nghĩa.

Bát Quan Trai Giới là một phép tu hành của người tại gia áp dụng trong một ngày một đêm (24 giờ).

Chữ 'Quan' là cửa, cửa ngăn chặn tám điều tội lỗi. Chữ 'Trai', tiếng Phạn là Posadha, nghĩa là khi đã qua giờ Ngọ (12 giờ trưa) không được ăn nữa. Vậy 'Bát Quan Trai Giới' là sự giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh trong 24 tiếng đồng hồ bằng cách ngăn chặn tám điều tội

1

lời sau đây :

- 1.- Không được sát sanh
- 2.- Không được trộm cướp
- 3.- Không được đắm dục
- 4.- Không được nói dối
- 5.- Không được uống rượu
- 6.- Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát.
- 7.- Không được nằm ngồi giường cao rộng đẹp đẽ.
- 8.- Không được ăn quả giờ ngủ.

II.- Giải rõ tám điều răn cấm nói trên.

1.- Không được sát sanh.

a) Ý nghĩa vì sao không được sát sanh : Chúng sanh, mặc dù hình dáng có khác nhau, nhưng cùng có một điểm quan trọng giống nhau là tham sống, sợ chết, biết đau khổ vui mừng. Không cần phải đàn chim cho xa xôi, ngay trong sự quan sát hằng ngày, chúng ta cũng nhận thấy : cá thấy người oá lội xa, chim thấy người chim bay cao, cũng như người thấy ộp người lăn tròn, vì đều sợ lâm nguy đến tánh mạng oá. Khi bị bắt, chim, cá hay người đều vùng vẫy để có trốn thoát. Và khi được thả ra, thoát chết, chao ôi ! còn gì sung sướng cho bằng ! Nhận thấy được sự tham sống sợ chết, noi vui mừng, đau xót của muôn loài như thế, mà chúng ta còn đang tâm giết hại sanh mạng, thì thật là nhân tâm, tâm ác vô cùng.

Từ trước đến nay, loài người đã giết hại rất nhiều, bằng đủ phương tiện, nào làm lưới để bắt cá, dười nước, dùng cạm tên súng đặc để bắt chim thú trên đất... và nhất là dùng mưu mô kế hoạch để giết hại chêm giết lẫn nhau. Về phía thiện, thì có nhiều người cung thiện vô cùng ; nhưng về phía ác, thì rất nhiều người ác vô cùng.

Chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người theo đạo Từ Bi. Chúng ta cần phải cố gắng dùng sát hại sinh vật và nhất là dùng sát hại người. Về sự sát hại người, trong ngũ giới Phật đã tuyệt đối cấm chỉ, và chúng ta cũng đã phát nguyện giữ giới ấy. Nhưng về sinh vật, vì

một số Phật Tử còn ăn mặn, nên chưa tuyệt đối giữ được giới sát. Vậy ít ra trong ngày Thọ Bát Quan Trai, chúng ta hãy tuyệt đối giữ giới ấy. Chúng ta không giết người, không trù tính mưu mô giết người, đã đành! Chúng ta cũng không nên động đến sanh mạng của tất cả mọi loài hữu tình. Hơn nữa, nếu thấy ai có ý giết hại sinh vật, chúng ta phải khuyến lơn ngăn cản đứng cho người ta thi hành ác ý ấy.

Được như thế là ta giữ được trọn vẹn giới sát, mặc dù chỉ trong một ngày đêm, nhưng lợi ích sẽ lớn lao vô cùng cho việc tu hành của chúng ta.

2.- Không được trộm cướp.

Hai chữ trộm cướp ở đây có một ý nghĩa rộng lớn vô cùng. Những vật thuộc quyền sở hữu của người ta, từ bạc, vàng, châu báu, đất ruộng, nhà cửa cho đến đồ đạc, cây kim sợi chỉ, ong rau, người ta không cho mà mình lấy, là trộm cướp. Lương thúng trao đầu, đồ thiếu lấy thừa, đi làm tre giờ, bóc lột công nhân, lấy của công, ăn hối lộ, được của người không trả lại, đều là trộm cướp.

Người đời coi tiền của hơn tánh mạng, treo non, lặn suối, lo mưu nài tính kế nọ để làm ra tiền nuôi thân và gia đình, và để dành dự phòng khi đau ốm, tai nạn. Nếu rủi bị mất tiền của đó mới hối mửa mắt mà có, người ta vô cùng đau khổ, tuyệt vọng cả khi đến quyền sinh. Chúng ta cũng đã có nhiều khi đau buồn vì mất của, thì xét người khác cũng vậy. Chúng ta không muốn ai trộm cướp của mình, thì tất nhiên mình cũng không nên trộm cướp của ai. Đó là lẽ công bằng rất giản dị. Huống chi chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người quyết tâm diệt trừ tham dục, để được giải thoát, thì lẽ nào ta lại lấy của phi nghĩa.

Trong cuộc đời tranh đấu hằng ngày để sống, có nhiều khi chúng ta không giữ được một cách tuyệt đối giới cấm này, chẳng hạn, chúng ta làm ít mà có đòi lương cho cao, bán hàng xấu với giá cao, mưu tính chước nà kẻ nọ để được lợi nhiều một cách thiếu chính đáng... Có khi chúng ta nhận thấy như thế là bất chính, nhưng tự bảo chưa rằng vì sự sống của gia đình, thân thuộc mà phải làm như thế.

Nhưng trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta hãy triệt để giữ giới đạo. Chúng ta nhất quyết không trộm cướp đã đành, mà cũng không được để cho một ý nghĩ tham lợi móng lên trong tâm. Chúng ta không trộm cướp, không nghĩ đến sự trộm cướp, mà thấy ai trộm cướp hay nảy ra ý trộm cướp thì chúng ta khuyên can họ, ngăn ngừa không cho họ làm vậy. Không những không trộm cướp và ngăn ngừa sự trộm cướp mà thôi, chúng ta còn bố thí cho những người nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, tìm cách giúp đỡ những người thân thuộc, trong cảnh túng thiếu.

Giữ được giới này một cách tuyệt đối thì dù thời gian ngắn ngủi trong 24 giờ đồng hồ, chúng ta cũng đã gieo trồng được những nhân lành tốt đẹp cho sự tu hành của chúng ta.

3.- Không được dâm dục.

Dâm dục là cái nghiệp nhưn sanh tử luân hồi, nên người xuất gia phải đoạn hẳn. Phật dạy rằng : 'Người muốn đoạn trừ sanh tử, chúng quả Niết Bàn mà không trừ hẳn dâm dục, thì không khác nào kẻ nấu oát sụn mà muốn cho thành cơm, dù ra công đem nấu, trải qua trăm ngàn kiếp cũng không thành cơm được'.

Vậy những Phật Tử xuất gia, muốn thành Phật quả thì phải trừ dâm dục.

Còn những Phật Tử tại gia, chưa có thể hoàn toàn đoạn trừ dâm dục được, thì Phật chỉ cấm tà dâm, nghĩa là ngoài vợ chồng, không được lang chạ ; và giữa vợ chồng cũng cần phải giữ chánh lễ, biết tiết dục để cho thân tâm được trong sạch nhẹ nhàng.

Nhưng đây là nói về ngày thường của Phật Tử tại gia. Chứ đến ngày thọ Bát Quan Trai Giới, thì tuyệt đối phải giữ giới tịnh hạnh, không được hành động dâm dục đã đành, mà cũng không được nhớ nghĩ đến những điều dâm dục.

Nếu triệt để giữ đúng giới này, thì dù chỉ trong 24 giờ đồng hồ, lợi ích cũng rộng lớn vô cùng, vì chúng ta đã có dịp để gieo nhưn tịnh hạnh là một nhưn rất quý báu trong sự tu hành diệt dục.

4.- Không được nói dối.

Nói dối là tâm nghĩ miệng nói trái nhau. Nói dối có 4 cách. Đó là : nói không thật, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác.

Chúng ta đã thấy, hằng ngày trong đời, tai hại của sự nói dối. Tai hại lớn nhất là làm mất lòng tin cậy nhau. Trong một gia đình mà không tin nhau, thì gia đình sẽ tan nát ; trong một xã hội mà không tin nhau, thì xã hội sẽ điêu tàn.

Trong đời sống hằng ngày chúng ta chưa có thể hoàn toàn giữ giới này được, thì trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta hãy triệt để thực hành giới cấm này. Chúng ta không nói sai, không thêu dệt, không nói hai chiều, không nói lời hung ác, đã đành ; chúng ta lại còn khuyên răn những người chung quanh giữ đúng giới không nói láo ấy.

Nếu thực hành triệt để giới cấm này, thì dù chỉ trong một ngày đêm, chúng ta cũng đã gieo được một hạt nhưn quý báu rất hiếm có trong đời này là : lòng chân thật.

5.- Không được uống rượu.

Rượu làm say mê, tối tâm trí não người uống. Nó còn nguy hiểm hơn cả thuốc độc, vì thuốc độc uống vào chết ngay, song chỉ giết chết một đời người thôi ; chứ rượu làm cho người uống tâm, mắt trí, gây nên nhiều tội lỗi, chết đi sanh lại, luân hồi nhiều kiếp trong tối tăm si ám.

Bởi thế, trong Kinh, Phật dạy : 'Thà uống nước đồng sôi cho tan nát thân này, chứ không nên uống rượu'.

Chúng ta là Phật Tử, nghĩa là những người đang trau dồi trí tuệ để được sang suốt nh Phật, chúng ta không được uống rượu. Chúng ta không uống rượu đã đành, mà cũng không khuyến mồi người uống rượu. Tự mình uống rượu tội còn nhẹ, chứ khuyến mồi người khác uống, tội lại nặng hơn.

Song, trong lúc đau ốm, nên lương y bảo phải có

rượu hòa với thuốc uống mới lành bệnh, thì chúng ta cũng được tạm dùng. Khi đó rượu trở thành một vị thuốc, chứ không phải là một vị làm cho trí não ta cuồng loạn nữa.

Đây là nói về ngày thường, chứ trong ngày thọ Bát Quan Trai Giới, chúng ta phải trừ tuyệt rượu, không được uống đã đánh, mà còn khuyên răn người khác đừng uống nữa.

6.- Không được trang điểm, thoa dầu thơm, mua hát và đi xem mua hát.

Năm giác quan : tai, mắt, mũi, lưỡi, thân là năm cửa ngõ, có thể mở đường cho chúng ta đến cảnh giới Niết Bàn, hay vào địa ngục. Nếu chúng ta biết mở năm cánh cửa ấy về nẻo thanh tịnh, nghe những lời hay lẽ phải, thấy những điều thiện, điều lành người nhưng mùi thơm tinh khiết, đạo vị, thì con đường đến Niết Bàn, giải thoát không xa. Trái lại, nếu chúng ta hưởng những cảnh của giác quan ấy vào cõi ô trọc, mở rộng cho tội lỗi ủa vào, nào nghe tiếng du dương luyến ái của đục vọng, thấy cảnh trụy lạc, dâm ô, người mùi vị say nồng, kích thích đục lạc, thì con đường địa ngục đã sẵn sàng mở rộng để đón chờ chúng ta.

Phật cấm Phật Tử trang điểm, tô son trét phấn, xúc ướp dầu thơm, mua hát lá loi, quyền rũ, hay cầm đi xem những cảnh mua hát ấy, là vì muốn cho chúng ta khỏi dọa vào địa ngục.

Nhưng trong đời sống hằng ngày của người Phật Tử tại gia, vì còn tiếp xúc với đời sống xã hội, nên phải ăn mặc tề chỉnh trang nghiêm, đôi khi cũng phải đi dự những buổi hòa nhạc, hay mua hát, miễn là những thứ âm nhạc, những điệu mua hát ấy có tính cách trong sạch, xây dựng và hướng thiện. Nhưng trong hiện đại, các thứ nghệ thuật : kịch nhạc, ca, vũ, cải lương, chiếu bóng... phần nhiều có tính cách trụy lạc, thoái hóa, chúng ta nên đề phòng, đừng quá dễ dãi mà sa vào vòng tội lỗi.

Trên đây là nói trong ngày thường, chứ ngày thọ giới Bát Quan Trai, chúng ta nhất định không được trang điểm, xúc ướp dầu thơm, mua hát hay đi xem mua hát. Hơn nữa, chúng ta phải cố gắng diệt trừ những âm hưởng, bóng dáng của những thứ nghệ thuật không lành mạnh, trong đầu óc chúng ta.

Được như thế, thì tuy thời gian chỉ ngắn ngủi có 24 giờ, ảnh hưởng tốt đẹp của nó vô cùng quý báu cho sự tu hành của chúng ta.

7.- Không được nằm ngồi giường cao đẹp, rộng lớn.

Điều răn cấm này cũng như điều răn cấm thứ sáu, có mục đích ngăn ngừa thân xác ta, không cho buông lung theo những cảm giác trơn trượt thoải lạc của giường cao mềm tốt, chăn ấm màn êm. Vì những cảm giác này có thể kích thích lòng ham muốn bất chính của xác thân, tạo điều kiện cho chúng ta gây tội lỗi, nên Phật chế ra giới cấm này. Xưa Ngài Ngộ Đạt Quốc Sư là một bậc cao đức, được vua Ý Tôn và vua Hy Tôn hết sức ưu đãi. Vua Ý Tôn cũng cho Ngài một bảo tọa bằng trầm hương rất quý báu. Từ khi được bảo tọa ấy, Ngộ Đạt Quốc Sư mong niệm danh lợi, thành ra thất đức, phải chịu nhiều tai vạ và khổ đau.

Vì hiểu rõ cái tai hại của giường cao chiếu rộng, chăn ấm màn êm, nên xưa Ngài Hiệp Tôn Già từ khi xuất gia, lưng không nằm chiếu; gái Cao Phong Diệu thiên sư lập nguyện: ba năm không nằm giường chông; đức Phật Thích Ca, trong khi xuất gia tìm đạo, đã gói cổ nằm sương, từ năm này sang năm khác...

Nơi giường người xưa, các vị xuất gia chỉ nằm trên một cái giường nhỏ hẹp, vừa ngủ, chứ không bao giờ dùng giường rộng nằm cao. Kệ tại gia cũng nên tập dần đức tánh giản dị, đạm bạc ấy. Nếu chưa làm được trong ngày thường, thì ngày thọ giới Bát Quan Trai, cũng phải triệt để thi hành giới thứ bảy này.

8.- Không được ăn qua giờ ngọ.

Trong luật Phật dạy: 'Chư Thiên ăn sớm mai, Phật ăn giờ ngọ, súc sanh ăn sau giờ ngọ, ngã quỷ ăn tối, chư Tăng học theo Phật, phải ăn đúng ngọ'.

Ăn đúng giờ ngọ, được năm điều lợi sau đây:

- Ít mong tâm sai quấy
- Ít buồn ngủ

- Đã được nhất tâm
- ít hạ phong
- Thân được yên ổn và ít sanh bệnh.

Trừ một vài trường hợp như khi đau ốm, luật cũng chừa cho được ăn cơm cháo sau giờ ngủ, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn.

Vì những lợi ích thiết thực nói trên, nên người xuất gia cần phải thực hành. Còn Phật Tử tại gia, khi tu Bát Quan Trai Giới cũng phải giữ đúng giới này.

C.- KẾT LUẬN :

1.- Lợi ích của Bát Quan Trai Giới Rất Lớn Lạ.

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, Bát Quan Trai Giới là một pháp tu vô cùng lợi ích cho Phật Tử tại gia. Trong thời gian tu hành ấy, thân, khẩu, ý của người thọ giới được hoàn toàn thanh tịnh, tuy chỉ có 24 giờ đồng hồ, nhưng 24 giờ ấy còn quý báu hơn cả một đời của người không tu hành. Tuy lượng rất ít, mà phẩm lại nhiều vô cùng. Nó chỉ là một giọt nước, nhưng là một giọt nước trong sạch hoàn toàn, cho nên nó còn quý hơn cả một ao nước đục bùn nhơ ; nó chỉ là một viên ngọc nhỏ xíu, nhưng đó là viên ngọc Ma Ni, nên nó còn quý hơn trăm ngàn châu báu khác.

Chúng ta hãy phân tách một cách rõ ràng những lợi ích mà chúng ta đã thấu hoạch được trong 24 giờ ấy mà xem.

-Nhờ giới thứ Nhất, tâm ta không có ác ý giết hại sanh vật, miệng ta không nhai nuốt những máu huyết tanh hôi, thân ta không nặng nề vì thịt cá. Đối với chúng quanh, ta không làm cho người và súc vật đau khổ, mất thân mạng.

-Nhờ giới thứ Hai, tâm ta không động, ý ta không tham lam, thân ta không mang nặng những vật phi nghĩa. Đối với người chung quanh, ta không làm họ đau khổ vì mất của cải mà họ đã nâng niu, quý trọng.

-Nhờ giới thứ Ba, tâm ta được thanh tịnh, thân ta khỏi ô nhiễm. Đối với người bạn trăm năm, cùng những người chung quanh, ta giữ đúng lễ, làm cho họ kính trọng.

?

-Nhờ giới thứ Tư, tâm ta không tà vạy, lưỡi ta không dối trá, điều ngoa. Đối với người chung quanh, ta giữ được chữ tín, làm mọi người khỏi lo sợ, nghi ngờ vì ta.

-Nhờ giới thứ Năm, tâm ta được minh mẫn, miệng ta không nồng nặc hơi men, thân ta không loạn động. Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải lo sợ, khổ sở vì con ma men hành hạ.

-Nhờ giới thứ Sáu, tâm ta không buông lung theo dục lạc, giác quan ta không dung chứa những hình ảnh, mùi vị, âm thanh tà tạp, đam ô... Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải tập nhiệm những cảm giác không trong sạch, không thanh thoát.

-Nhờ giới thứ Bảy, tâm ta không mong lên những niềm danh lợi, xa hoa; thân ta không bị dục lạc lôi cuốn. Đối với người chung quanh, ta dễ gan guai, thân cận, vì không bị cái cao sang, phù phiếm bên ngoài ngăn cách.

-Nhờ giới thứ Tám, tâm ta được định tĩnh, sáng suốt; thân ta nhẹ nhàng, ít bệnh tật; đối với người chung quanh, như người nghèo đói, ngựa quý, súc sinh, ta không gây ra sự thèm khát, vì sự lục lạo ăn uống về đêm.

Bao nhiêu sự lợi ích cho mình và cho người mà chúng ta đã thâu thập được trong khoảng 24 giờ đồng hồ, thử hỏi có một pháp tu hành của người tại gia nào quý báu hơn thế nữa?

2.- Bởi vậy Phật Tử nên thực hành Bát Quan Trai Giới.

Phật Tử tại gia mặc dù suốt ngày suốt tháng bận bịu về sinh kế làm ăn, mỗi tháng cũng nên sắp xếp việc nhà, vào chùa thọ Bát Quan Trai Giới một vài lần. Nếu hoàn cảnh thuận lợi, có thể thọ được nhiều lần lại càng tốt.

Nếu không đủ điều kiện đến chùa, thì phương tiện ở nhà tu cũng được, nhưng lợi ích không bằng đến chùa.

Vậy xin khuyên các Phật Tử tại gia, nên cố gắng

thật hành y như lời Phật dạy, tu theo hạnh giải thoát,
rồi khuyên nhiều người thật hành theo, để cùng nhau
tiến bước lên đường giải thoát, an vui.

—•—

HUYỀN TRANG PHÁP SƯ VỚI ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO

I.- **DẪN NHẬP** : Vào khoảng 100 năm sau khi Phật nhập Niết Bàn, phái Bảo Thủ Y Giáo, Phụng Hành, gìn giữ lời Phật, trung tuyền nguyên ý. Nhóm Cải Tiến có ý cạnh tân, sanh ra các dị kiến. Ngài Da Xá thấy thế, cảm ngại không được, liền đi triệu tập các vị Trưởng Lão Tăng và nhóm họp tại thành Tỳ Xá Ly (nơi trụ xứ của nhóm Cải Tiến) để giải quyết các vấn đề được coi là phi pháp. Nhưng không hóa giải được, nhóm Tỳ kheo Bát Kỳ biệt lập thành một phái. Đây là sự phân hóa đầu tiên. Nhóm do ngài Da Xá triệu tập, hội họp trung tuyền kinh luật Phật dạy, sau gọi là Kiệt Tập lần thứ hai; nhóm này đa số các vị Trưởng Lão nên gọi là Thượng Tọa Bộ. Nhóm Cải Tiến đa số các vị Tăng trẻ tuổi đông đảo hơn nên gọi là Chúng Bộ.

Đại Chúng Bộ về sau phát triển thành Đại Thừa Phật Giáo. Từ khi phân lập việc tranh luận xảy ra giữa hai phái rất thường và kéo dài rất lâu. Mấy chục năm sau cho đến khi Mahadeva (Đại Thiên) xuất hiện, để xướng tân thuyết 5 đời, thì Phật giáo mới thực sự chia thành hai Bộ phái : Thượng Tọa Bộ (Tiểu Thừa), Đại Chúng Bộ (Đại Thừa). Và cho đến khi ngài Mã Minh viết bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận, Chánh Pháp chuyển thành hai bộ phái Đại Thừa và Tiểu Thừa một cách phân minh. Song song với sự phát triển của hai hệ phái, các Luận Sư mỗi thời thường tranh luận để lý giải với nhau làm giàu thêm cho tạng Luận. Ngài Huyền Trang là một trong những luận sư xuất sắc, đã làm rạng rỡ giáo nghĩa Đại Thừa Phật Giáo.

II.- **TIỂU SỬ PHÁP SƯ HUYỀN TRANG** : Huyền Trang tục danh là Trần Vy, sinh năm Khai Hoán thứ 16, đời nhà Đường (595) ở huyện Hậu Thị, châu Lạc Xuyên. Thân sinh là Trần Huệ, trước làm quan ở Giang Lăng, nhận thấy tình thế nhiều nhượng, cáo quan về quê dạy học. Trần Huệ có bốn con trai, Huyền Trang là con út, người anh thứ hai làm Hòa Thượng ở chùa Tịnh Độ đất Lạc Dương.

Thờ nhỏ Ngài theo Nho học, trong những buổi đến thăm anh ở chùa Tịnh Độ, Ngài thường ở lại nghe kinh, Pháp; với trí tuệ khác thường Ngài lãnh hội được lý nghĩa

Đại Thừa rất sâu rộng. Từ đó Ngài bỏ Không, quy y theo Phật giáo.

Năm 13 tuổi, Ngài được vị chú khảo, quan Khâm Sai Trịnh Thiện Quả, đặc cách cho mien tuổi do sự đổi đáp thông minh trôi chảy. Ngài được dự vào cuộc sát hạch tuyển chọn Tăng sĩ triều đình và trung tuyển. Sự nghiệp lớn bắt đầu từ đây.

Ngài có vóc dáng đẹp đẽ, phong quang rực rỡ, có nhiều tầng mỹ tượng. Chính Trịnh Thiện Quả đã dựa vào phong mạo của Ngài để biện bạch cho sự quyết định của mình: 'Tổng nghiệp mà học đạo cho thanh thì dễ, chứ phong cốt luyện cao được thì khó lắm. Cậu bé Trần Vỹ này nếu được làm Tăng, tất nhiên sẽ thành vị Cao Tăng Đại Đức trong chốn Thiền Môn không ai sánh kịp'.

Ngài chính thức xuất gia tại chùa Tịnh Độ. Về sau đất Lạc Dương biến loạn, anh em Ngài đi về Trường An, tu tại chùa Trang Nghiêm. Rồi vì Trường An gặp lúc khó hành đạo, các Ngài dời đến Thành Đô tu tại chùa Khuông Tuệ. Năm 27 tuổi, Ngài vân du khắp Trung Quốc để cầu học với các danh Tăng Hoạ, An. Dù đã đạt đến trình độ siêu việt, các giáo nghĩa của Đại Thừa vẫn chưa thỏa mãn khát vọng của Ngài. Năm 31 tuổi Ngài bắt đầu cuộc Tây du. Trải qua vô vàn gian khổ, cuối cùng Ngài đã đạt được bậc vọng không lường của mình. Đi đến nơi, về đến chốn, năm 50 tuổi trở lại Trường An, Ngài được vua quý trọng, xem như quốc bảo và ban làm ngự đệ. Ngài đã làm nên một sự nghiệp thế kỷ, dịch 75 bộ gồm 1.335 quyển kinh từ chữ Phạn ra chữ Hán.

Ngài mất năm 664 tại Trường An khi trong tay đang cầm bút dịch kinh Đại Thừa. Đường Cao Tông rơi lệ, ban Triều 3 ngày và thán thốt: 'Tram nay mất rồi một người quốc bảo'. Một triệu người tham dự đám tang, ba mươi ngàn người lập lều ở quanh mộ Ngài tại Bạch Lạc Nguyên. Hình ảnh Ngài được pho cập khắp thế giới, nhất là Đông Nam châu Á, trong đó có Việt Nam qua sự tích Đường Tam Tạng thỉnh Kinh (Tây Du Ký).

III.- NGÀI HUYỀN TRANG KIẾN DƯƠNG ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO.

1) Tại Trung Quốc : Huyền Trang trước khi xuất

gia thường nghe Pháp Đại Thừa tại chùa Tịnh Độ, với lợi
căn thông tuệ, Ngài lý hội tất cả kinh điển nghe qua.
Do đó khi phát tâm xuất gia, Ngài đã lý thấu được một
trong năm đức lớn : 'Chỉ cần Đại Thừa vị độ nhân cơ'.
Như thế khi xuống tóc xuất gia, Ngài đã bước đầu phát
bồ đề tâm : 'Trên cầu Phật đạo, dứt bỏ hóa độ chúng sanh'.
Tâm bồ đề ấy Ngài đã tuyên dương qua câu trả lời với vị
Chánh chủ khảo : 'Tôi muốn xa rời chỉ-cơ Phật, gần
hoàng dương Chánh Pháp'. Để thực hiện chí nguyện, Ngài
đã đi tìm cầu học khắp Trung Quốc với các vị Cao Tăng
thạc đức. Song kinh điển truyền sang thời đó còn hạn
chỗ, việc lý giải, dịch thuật chưa bao giờ được chỉ tiết
tu của Ngài mặc dù Ngài đã say mê tìm tòi đến quên ăn bỏ
ngủ. Vào thời đó, Ngài là vị Giảng Sư trẻ tuổi nhất, đã
đứng đầu giảng kinh Niết Bàn Bộ Kinh Đại Thừa Uyên Áo
Nhất. Năm 31 tuổi Ngài gặp học giả nổi tiếng là Pháp sư
Phạm Đạt Đa Na, học trò xuất sắc của Ngài Giới Hiền từ
Trung Ấn qua. Ngài được giải tỏa nhiều nghi vấn. Và thế
là chỉ Tây Du của Ngài được quyết định.

2) Tại Ấn Độ : Với chí nguyện học tận gốc, tìm
cho ra chân nghĩa Đại Thừa, năm mươi vạn dặm đường dài
từ Trung Quốc qua Ấn Độ, phải vượt qua treo non, băng
qua sa mạc nắng cháy, nhưng đem lại công lương, một
ninh một ngựa đối đầu với muôn ngàn khó khăn nguy hiểm,
mạng sống như treo đầu sợi tóc. Với chí nguyện Đại Thừa
'Hay thì thân mạng, tôn sùng đạo cơ' là một trong năm
đức của người xuất gia. Chí nguyện và lòng tin của Ngài
thật đông mạnh phi thường, một lòng cầu nguyện Đất Nhà
Tâm Kinh niệm Quan Thế Âm Bồ Tát. Và đây câu trả lời dứt
khát, khi vua nước Cao Lương Khưu Văn Thái lâm bệnh
giữ Ngài lại : 'Đại Vương có thể giữ được hai cốt của
bàn đạo thôi, chứ tinh thần ý chí của bên đạo thì Đại
Vương không thể giữ được'. Và chí nguyện sắt đá của
Ngài cũng thành tựu qua 24 bước thứ-giới thiện với 24
tieu quốc của vua Y Ngô.

Ngài đến đất Phật, một mặt chiêm bái các Phật
tích tông lâm, mặt khác Ngài tìm học các Kinh Luận bằng
Phạn văn của cả Đại lan Tiểu Thừa (như Câu Xá Luận của
Thế Thân, Thành Thật Luận của Ha Le Đạt Ma) với các vị
Pháp sư danh tiếng. Nhưng có lẽ nổi bật nhất là Ngài
được Pháp sư Giới Hiền, lúc bấy giờ đã 165 tuổi, van

phá lệ khai đàn giảng lại bộ Du Già Sư Địa Luận trong 15 tháng (đặc biệt cho Ngài Huyền Trang) tại tu viện Nalanda một ngôi Phật Tự được coi là trang lệ nhất - đại học Phật giáo của nhân Ấn Độ, một trung tâm văn hóa xứ Phật, chứa tất cả Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, kinh Phê Đà cho đến sách gia chú tử. Sau ba năm Ngài đã thông suốt :

- 03 thiên bộ Du Già Sư Địa Luận
- 01 thiên bộ Thuận Chánh Địa Luận
- 01 thiên bộ Hiền Dượng Đối Phá
- 02 thiên của các bộ Nhân Minh, Thanh Minh Tập luận
- 03 thiên của các bộ Trung Luận, Bách Luận.

Và quan yếu nhất là giải tỏa được nhiều điểm nghi ngờ trong các Kinh Luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa.

Trong vòng sáu năm, Ngài đã đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc xứ Trung Ấn Độ, qua trên 100 nước lớn nhỏ, đọc, học, ghi chép, lý giải thông qua các Kinh Luận, sách vở tàng trữ trong các thư các, đền, chùa, ghi chú thứ tự từ phong tục, tập quán, địa lý, thi văn, đặc sản v.v... rất có hệ thống.

Đỉnh cao và công hạnh lớn nhất của Ngài đối với việc xiển dương giáo nghĩa Đại Thừa tại Ấn Độ là việc tranh luận sôi nổi nhất, có tính cách quyết định sự hưng vong của Đại Thừa Phật Giáo. Ngài dùng lý luận sắc bén, trí tuệ bao trùm, bề dày 700 bài luận huỳnh hoàng là võ địch 'Phá Đại Thừa' của Bát Nhã Cục Đa, một Luận sư uyên thâm có nhiều thế lực của phái Tiểu Thừa. Bằng 1.600 bài Phá lo Kiến Luận, Ngài Huyền Trang đã đánh tan mọi nề chấp của phái Tiểu Thừa. Cao hơn nữa làm cho các Luận sư phái Tiểu Thừa tâm phục, khẩu phục. Phá ác kiến luận có giá trị siêu việt tuyệt đối đến nơi xứ Giời Nhật, một vị vua hùng mạnh nhất xứ Trung Ấn đã tuyên cáo : Nếu ai tìm thấy một chữ sai lầm vô lý, có thể báo bộ được thì Trăm xin cắt đầu để tạ ơn. Sau 18 ngày Ngài ngồi ghế luận chủ, Huyền Trang đã đánh bại tất cả luận điểm sai trái, xiển dương giáo lý Đại Thừa rục rỏ trên đất Phật. Lý lẽ vững chắc, trí tuệ sắc bén của Ngài đã làm cho nhiều Pháp sư, học giả bỏ ngay tà kiến và quy ngưỡng theo Đại Thừa tại cho. Tất cả Vương Tôn Công Tử, Đại Thân... tuân

phục, ca ngợi Ngài không ngớt. Chính họ đã tranh nhau cúng dường Ngài vô số châu báu, lụa là, Ngài đều hồi hướng từ chối tất cả. Khi ấy vua đánh lấy bộ tăng phục của Ngài đặt lên kiệu voi trắng với lời hiệu triệu truyền ra cho công chúng: 'Vị Pháp sư Trung Quốc đã kiến lập Đại Thừa và phá hủy tất cả mọi tà thuyết trong 18 ngày không ai dám đối lập. Ngay tin cho công chúng biết!'

Bảy mươi lăm ngày tiếp theo, Giới Nhật Vương, cung thỉnh Ngài minh chứng đại hội Vô Gia tại Bản La Đa Gia quốc (Prayaga). Số người tham dự lên tới 50 vạn. Đản đại thí bảy ra một tháng mới khắp và hội trường mới giải tán.

3) Trở về cố hương : Nếu ở Ấn Độ Ngài là một học giả, một Luận sư danh tiếng, khi trở về Trung Quốc Ngài là một nhà trước tác dịch thuật đại tài. Ngài đang trọn cuộc đời còn lại cho việc phổ cập Kinh Luận Đại Thừa mà Ngài đã học hỏi, nghiên cứu suốt hai mươi năm.

Năm 664 Ngài thành lập Hội Đồng Phiên Dịch chia thành nhiều nhóm.

- Nhóm thứ nhất : Vị Dịch chủ tinh thông Phạm văn - Hán văn (Ngài Huyền Trang).
- Nhóm thứ hai : Chuyên dịch từ Phạm văn ra Hán văn.
- Nhóm thứ ba : Chứng nhận xác định đã dịch đúng Phạm văn.
- Nhóm thứ tư : Nhuận văn sửa lại cho đúng văn pháp Trung Hoa.
- Nhóm thứ năm : Nhuận nghĩa, so bản dịch với nguyên bản.
- Nhóm thứ sáu : Duyệt xét lần cuối.

Tổng số Kinh Luận đã được dịch là 75 bộ gồm 1.335 quyển, trong đó có hai pho lớn nhất là :

- Đại Tỳ Bà Sơ Luận 200 quyển.
- Bộ Định Đạt Bát Nhã gồm 600 quyển.

Phương pháp dịch thuật, làm việc của Ngài thật chu đáo, khoa học, tiên bộ có thể nói vô tiền khoáng

hạn như chuyến Tây du của Ngài vậy.

Nhờ công trình dịch thuật vĩ đại của Ngài mà Đại Thừa Phật Giáo được phát khởi mạnh mẽ ở Trung Quốc và các nước phía đông như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

IV.- KẾT LUẬN : Huyền Trang một mình một ngựa ngàn dặm gian lao, du học khắp xứ Ấn Độ, học văn thành tự, biện tài vang khắp, công thành quả mãn, Ngài đã tiếp bước Ma Minh với Đại Thừa Khởi Tín Luận, Ngài Long Thọ với Trung Quán Luận; Vô Trước, Thế Thân với Thanh Duy Thức Luận. Huyền Trang có 1.600 tụng Phả Ác Kiến Luận đã nhiếp phục tất cả những kẻ đối nghịch cả hai phái Đại và Tiểu Thừa. Tại bản xứ Ấn Độ thập sáng chói ngọn đuốc trí tuệ Đại Thừa, đưa Đại Thừa lên đỉnh cao hưng thịnh, kết thúc việc tranh luận giữa hai bộ phái kéo dài hơn một thiên niên kỷ.

Dân Ấn người Đại Thừa tôn xưng Ngài là Đại Thừa Thiên (Ông Trời Đại Thừa). Những vị Tiểu Thừa xưng tụng Ngài là Mộc Xoa Đề (Giải Thoát Thiên hay Trời Giải Thoát).

Tài liệu tham khảo :

- Huyền Trang Nhà Chiêm Bái và Học Giả (Do Tỷ kheo ni Thích Nữ Trí Hải dịch từ bản tiếng Anh 'Hsuan Tsang, The Pilgrim and the scholar' của Hòa Thượng Minh Châu).
- Huyền Trang Pháp Sư của Thượng Tọa Trí Quang.
- Tài liệu Huyền Trang 93 BED Long Khánh.